水果
shuǐ guǒ

Date: _____

Name: _____

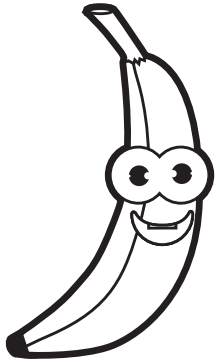

香蕉
xiāng jiāo

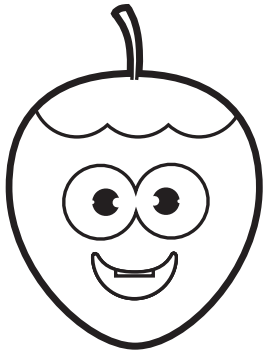

草莓
cǎo méi

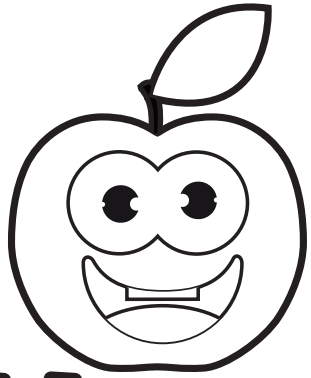

苹果
píng guǒ

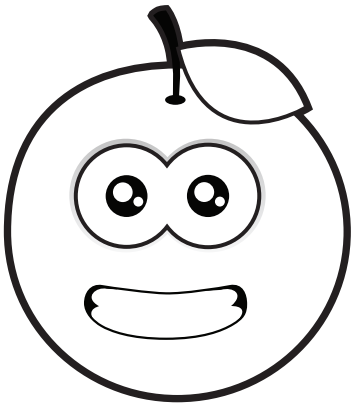

橙
chéng

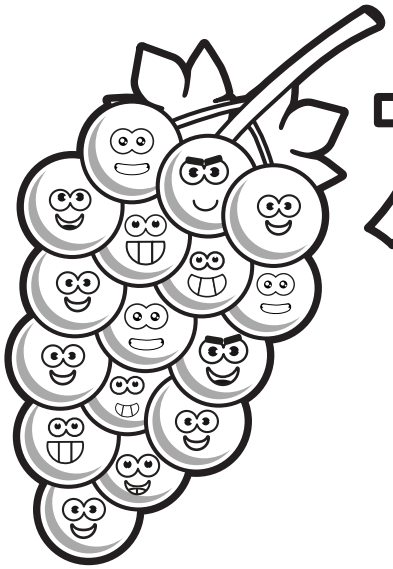

葡萄
pú táo